

08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIỮ TRỌN NIỀM TIN

Đặc tính của tre mọc mọc, giản dị, ngay thẳng và không phô trương. Searefico chúng tôi cũng thế, phản ánh trung thực, minh bạch tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua số liệu tài chính. “Uy tín quý hơn vàng” luôn được Công ty xem là kim chỉ nam trong hoạt động kinh doanh. Trong năm qua nhiều khách hàng truyền thống đặt niềm tin, chọn lựa Searefico là đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ hoặc liên danh cùng để thực hiện dự án lớn.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Searefico (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Searefico là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301825452 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 1999 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần thứ 22) ngày 12 tháng 01 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch cổ phiếu là SRF theo Giấy phép niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 09 năm 2009 và ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty là ngày 21 tháng 10 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tấn Phước	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Nguyễn Hữu Thịnh	Thành viên	
Ông Ryota Fukuda	Thành viên	
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên	
Ông Yoshihiko Shiotsugu	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 31/03/2023)
Ông Nishi Masayuki	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 31/03/2023)
Ông Phạm Kyle Anh Tuấn	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 09/01/2024)

CÁC BAN/ PHÒNG BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán bao gồm:

Ông Phạm Kyle Anh Tuấn	Chủ tịch	(Miễn nhiệm từ ngày 09/01/2024)
Ông Nguyễn Hữu Thịnh	Thành viên	

Các thành viên của Ủy ban Đầu tư và Nghiên cứu - Phát triển bao gồm:

Ông Lê Tấn Phước	Chủ tịch	
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 17/04/2023)
Ông Nishi Masayuki	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 17/04/2023)

Các thành viên của Ủy ban Nhân sự và Lương, thưởng bao gồm:

Ông Lê Quang Phúc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thịnh	Thành viên

Phòng Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị

Bà Huỳnh Như Phương	Trưởng phòng	(Miễn nhiệm từ ngày 16/11/2023)
---------------------	--------------	---------------------------------

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Xuân Thức	Tổng Giám đốc điều hành	
Ông Trần Đình Mười	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Kinh Luân	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 29/09/2023) (Miễn nhiệm từ ngày 01/06/2024)
Ông Đinh Ngọc Triển	Kế toán trưởng	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tấn Phước	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Xuân Thức	Tổng Giám đốc điều hành

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- » Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- » Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- » Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ngày 22/05/2024, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có Công văn số 030/CV/SRF/BTGD/24 về việc giải trình tình hình khắc phục chậm nộp Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã cam kết trước ngày 05/06/2024 sẽ công bố đầy đủ các thông tin theo quy định.

Ngoài nội dung nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố các thông tin khác theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024

**TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc điều hành**



Vũ Xuân Thức



Số: 040624.002/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Searefico được lập ngày 03 tháng 06 năm 2024, từ trang 124 đến trang 129, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**CƠ SỞ CỦA Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRỪ**

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ các thư xác nhận về các số dư nợ phải thu tại ngày 31/12/2023 và tại ngày 31/12/2022, cũng như chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu tại các thời điểm tương ứng với tổng giá trị lần lượt là 114.246.541.992 VND và 130.499.402.491 VND. Do đó, chúng tôi chưa thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu liên quan đến dự phòng nợ phải thu khó đòi, cũng như ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến các khoản mục khác có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Chi tiết số dư các khoản mục như sau:

	Mã số	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	94.821.407.951	111.026.152.574
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9.817.342.091	9.810.545.391
Phải thu khác ngắn hạn	136	9.607.791.950	9.662.704.526

Ngoài ra, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ các thư xác nhận về số dư các khoản nợ phải trả tại ngày 31/12/2023 và tại ngày 31/12/2022 với tổng giá trị lần lượt là 117.311.283.790 VND và 120.658.153.676 VND. Do đó, chúng tôi chưa thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Chi tiết số dư các khoản mục như sau:

	Mã số	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	101.017.042.766	98.997.315.758
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	7.794.600.089	10.480.605.174
Phải trả ngắn hạn khác	319	8.499.640.935	11.180.232.744

Do được bổ nhiệm làm kiểm toán sau thời điểm kết thúc năm tài chính 2023, mặc dù đã thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung nhưng chúng tôi vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá tính đầy đủ và giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình xây dựng dở dang đang trình bày trên khoản mục "Hàng tồn kho" (Mã số 141) với giá trị tại ngày 31/12/2023 và tại ngày 31/12/2022 lần lượt là 100.542.031.326 VND và 101.065.561.892 VND. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này và các chỉ tiêu khác có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 hay không.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 (COFICO) đang ghi nhận khoản phạt liên doanh như đã thông báo cho Công ty về số tiền 22.038.757.467 VND mà Công ty phải trả bao gồm khoản tiền phạt trễ tiến độ và các chi phí khác liên quan đến dự án Gateway Thảo Điền, tuy nhiên phía Công ty vẫn chưa ghi nhận do chưa thống nhất giá trị. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về sự không chắc chắn xảy ra nghĩa vụ của Công ty đối với COFICO, do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này, cũng như ảnh hưởng của nó đến các khoản mục liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRỪ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Searefico tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

VẤN ĐỀ KHÁC

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Searefico cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH PwC Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 15 tháng 03 năm 2023.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Phó Tổng Giám đốc



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024
Kiểm toán viên

Đào Trung Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4700-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 (Trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.382.956.220.834	1.381.724.918.285
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	253.943.689.842	238.793.514.210
111	1. Tiền		93.743.150.225	77.806.479.608
112	2. Các khoản tương đương tiền		160.200.539.617	160.987.034.602
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	67.834.618.164	117.992.162.805
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		67.834.618.164	117.992.162.805
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		787.181.290.793	726.681.910.174
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	714.327.053.128	646.969.825.711
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	60.669.420.696	52.038.328.293
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		166.666.664	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	07	32.875.049.743	42.563.598.323
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(20.856.899.438)	(14.889.842.153)
140	IV. Hàng tồn kho	09	246.465.022.073	274.965.147.940
141	1. Hàng tồn kho		248.613.341.895	278.025.157.540
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.148.319.822)	(3.060.009.600)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		27.531.599.962	23.292.183.156
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	3.495.005.793	4.031.449.826
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		23.437.913.237	18.038.625.008
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	598.680.932	1.222.108.322

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 (Trình bày lại) VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		370.431.034.754	348.839.766.969
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.698.035.500	2.613.729.919
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	2.698.035.500	2.613.729.919
220	II. Tài sản cố định		247.084.790.248	253.592.959.916
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	241.277.085.435	249.941.796.646
222	- Nguyên giá		366.533.863.761	378.478.094.034
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(125.256.778.326)	(128.536.297.388)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	962.033.332	1.030.750.000
225	- Nguyên giá		1.030.750.000	1.030.750.000
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(68.716.668)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	4.845.671.481	2.620.413.270
228	- Nguyên giá		8.450.207.417	5.774.279.119
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.604.535.936)	(3.153.865.849)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	5.913.999.000	6.199.011.000
231	- Nguyên giá		7.410.312.000	7.410.312.000
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.496.313.000)	(1.211.301.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	65.899.267.348	33.630.897.821
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		65.899.267.348	33.630.897.821
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	3.656.717.362	5.556.717.362
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.100.000.000	2.100.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.456.717.362	3.456.717.362
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.900.000.000)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		45.178.225.296	47.246.450.951
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	29.972.770.502	32.693.859.713
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	36	15.205.454.794	14.552.591.238
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.753.387.255.588	1.730.564.685.254

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 (Trình bày lại) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.320.905.700.735	1.301.575.884.207
310	I. Nợ ngắn hạn		1.247.326.685.062	1.221.362.611.541
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	454.164.560.266	381.177.211.923
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	90.932.512.029	207.837.260.842
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	4.166.515.182	14.179.234.589
314	4. Phải trả người lao động		6.404.477.444	8.743.231.640
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	134.815.824.575	143.284.462.930
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	412.500.000	247.500.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	75.198.365.177	23.317.044.624
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	473.664.335.784	434.826.585.553
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	1.311.444.827	612.019.662
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.256.149.778	7.138.059.778
330	II. Nợ dài hạn		73.579.015.673	80.213.272.666
331	1. Phải trả người bán dài hạn	17	238.200.000	635.200.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	919.750.000	1.160.000.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	70.544.253.923	76.305.660.916
342	4. Dự phòng phải trả	23	1.876.811.750	2.112.411.750
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		432.481.554.853	428.988.801.047
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	432.481.554.853	428.988.801.047
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		355.667.800.000	355.667.800.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		355.667.800.000	355.667.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		284.019.059	284.019.059
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		8.514.811.246	4.415.811.246
415	4. Cổ phiếu quỹ		(29.238.407.099)	(29.238.407.099)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		8.308.963.938	8.308.963.938
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		413.275.433	412.708.023
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(2.573.321.800)	141.706.737.915
421b	LNST chưa phân phối năm nay		2.986.597.233	(141.294.029.892)
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		88.531.092.276	89.137.905.880
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.753.387.255.588	1.730.564.685.254

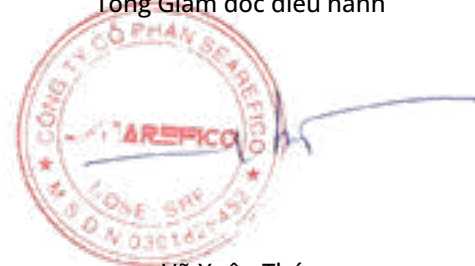
TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc điều hành





Nguyễn Thành Tâm

Đinh Ngọc Triển

Vũ Xuân Thức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

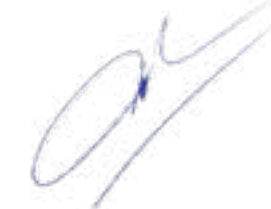
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Trình bày lại) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	1.643.645.360.726	1.186.120.853.680
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27	132.002.000	512.431.710
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.643.513.358.726	1.185.608.421.970
11	4. Giá vốn hàng bán	28	1.534.757.426.244	1.204.372.883.631
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		108.755.932.482	(18.764.461.661)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	14.632.506.072	104.618.916.125
22	7. Chi phí tài chính	30	54.575.959.163	48.794.021.825
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		42.913.966.605	38.066.786.864
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	31	1.808.373.720	4.140.041.538
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	63.425.923.853	160.426.807.631
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.578.181.818	(127.506.416.530)
31	11. Thu nhập khác	33	6.106.408.780	3.679.981.308
32	12. Chi phí khác	34	2.156.569.134	3.066.750.369
40	13. Lợi nhuận khác		3.949.839.646	613.230.939
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.528.021.464	(126.893.185.591)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35	4.550.867.320	14.264.767.864
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	36	(784.646.707)	172.185.903
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.761.800.851	(141.330.139.358)
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		2.986.597.233	(141.294.029.892)
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		775.203.618	(36.109.466)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37	79	(4.182)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc điều hành


Nguyễn Thành Tâm

Đinh Ngọc Triển

Vũ Xuân Thức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.528.021.464	(126.893.185.591)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		17.617.364.899	16.875.130.755
03	- Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/ dự phòng		7.688.077.579	79.846.466.459
04	- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.825.474.917	1.673.920.556
05	- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư		(13.731.865.743)	(102.786.291.514)
06	- Chi phí lãi vay		42.913.966.605	38.869.072.408
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(481.904.099)	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		65.359.135.622	(92.414.886.927)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(73.351.635.574)	4.226.602.282
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		29.411.815.645	56.199.080.306
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(7.679.865.214)	207.646.264.488
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.697.729.544	(1.087.220.708)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(41.869.650.363)	(39.242.862.844)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.649.206.034)	(8.310.132.863)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(881.910.000)	(9.819.160.881)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(39.963.586.374)	117.197.682.853
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(43.360.589.095)	(6.984.243.598)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	191.850.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(121.201.655.359)	(267.226.841.189)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		171.192.533.336	259.593.878.384
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	247.985.199.980
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.394.284.239	15.118.221.503
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		22.024.573.121	248.678.065.080

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (Theo phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.365.116.112.200	851.627.429.735
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.331.741.996.740)	(1.039.129.674.867)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(297.772.222)	(82.460.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		33.076.343.238	(187.584.705.132)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		15.137.329.985	178.291.042.801
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		238.793.514.210	60.499.313.356
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		12.845.647	3.158.053
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	253.943.689.842	238.793.514.210

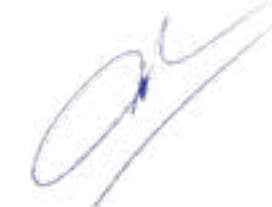
TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thành Tâm

Kế toán trưởng



Đinh Ngọc Triển

Tổng Giám đốc điều hành



Vũ Xuân Thức

Ấn phẩm báo cáo thường niên 2023 của chúng tôi kỳ vọng đem đến thông điệp đẹp về Searefco trong giai đoạn phát triển mới. Ấn dụ hình ảnh về cây tre, chúng tôi mong muốn chuyển tải ý nghĩa về sức mạnh nội tại mà Công ty đã dưỡng nuôi, vun bồi, cùng với tư duy hiện đại, không ngừng đổi mới, sẽ tạo động lực mới đưa Searefco vươn tầm, tiến xa hơn trong tương lai.

